**TIẾT 103, 104: KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

*Ngày soạn: 10/3/2024*

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Kiểm tra và đánh giá năng lực của học sinh về các nội dung đã được học trong bài 6,7 thông qua các ngữ liệu mới ngoài SGK.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để đọc - hiểu và tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Ma trận, bảng đặc tả, đề bài, hướng dẫn chấm

- Đề bài cho mỗi HS (phô-tô)

**III. Tiến trình dạy - học**

**Tổ chức:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Ngày dạy | Sĩ số | Tên HS vắng |
| 7A2 | /3/2024 |  |  |

**A. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Truyện khoa học viễn tưởng |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (ý kiến tán thành) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nv lịch sử |
| **Tổng số câu** | | | ***4*** | 1\* | ***4*** | 1\* | ***0*** | ***1\**** | ***0*** | 1\* | **11** |
| **Tổng điểm** | | | ***2.0*** | ***0.5*** | ***2.0*** | ***1.5*** | ***0*** | ***3.0*** | ***0*** | ***1.0*** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25** | | **35** | | **30** | | **10** | | **100** |

\* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| Truyện khoa học viễn tưởng | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện biễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn NL về một vấn đề trong ĐS (ý kiến tán thành) | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề, những thông tin thực tế liên quan đén vấn đề  **Thông hiểu:** Hiểu được vấn đề;viết đúng về nội dung, hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến tán thành của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng  **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng; bày tỏ cảm xúc, ý kiến đánh giá một cách thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| Viết bài văn kể lại 1 sự việc có thật liên quan đến một nv lịch sử | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. |
| **Tổng số câu** | | | | **4 TN** | **4 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **20** | **40** | **30** | **10** |

\* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**Đề 1:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**KIẾN VÀ CHÂU CHẤU**

Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít. Bỗng chú bắt gặp bạn kiến đi ngang qua, bạn ấy đang còng lưng cõng một hạt ngô để tha về tổ.

Châu chấu cất giọng rủ rê: “*Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò chuyện và đi chơi thoả thích cùng tớ đi!*”.

Kiến trả lời: “*Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên làm như vậy đi, bạn châu chấu ạ!”.*

“*Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa!”* - châu chấu mỉa mai.

Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh. Nó tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn.

Thế rồi mùa đông lạnh lẽo cũng tới, thức ăn trở nên khan hiếm, châu chấu xanh vì mải chơi không chuẩn bị thức ăn nên giờ sắp kiệt sức vì đói và rét. Còn bạn kiến của chúng ta thì có một mùa đông no đủ với một tổ đầy những ngô, lúa mì mà bạn ấy đã chăm chỉ tha về suốt cả mùa hè.

*(Truyện ngụ ngôn, NXB Thông tin, trang 3)*

**Câu 1**. Câu chuyện được kể bằng lời của ai?

A. Lời của nhân vật kiến

B. Lời của nhân vật châu chấu

C. Lời của người kể chuyện

D. Lời của nhân vật kiến và châu chấu.

**Câu 2.** Trong văn bản kể châu chấu gặp đàn kiến ở đâu?

A. Ở bờ suối.

B. Ở trong rừng.

C. Ở bờ sông.

D. Ở cánh đồng.

**Câu 3*.*** Hai câu văn sau được liên kết với nhau nhờ phép liên kết nào?

*Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh. N****ó*** *tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn.*

A. Phép lặp. B. Phép nối.

C. Phép nối và phép thế D. Phép thế.

**Câu 4.** Lí do nào khiến kiến không đi chơi cùng châu chấu?

A. Kiến không thích đi chơi.

B. Kiến không thích châu chấu.

C. Kiến phải còng lưng cõng hạt ngô nên kiệt sức.

D. Kiến bận đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông.

**Câu 5.** Vì sao kiến lại có một mùa đông no đủ?

A. Kiến có thân hình bé nhỏ nên ăn rất ít.

B. Kiến chăm chỉ, biết lo xa.

C. Kiến được bố mẹ cho nhiều lương thực.

D. Kiến được mùa ngô và lúa mì.

**Câu 6.** Từ **“cần mẫn”** trong câu “*Nó tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn”.* có nghĩa là gì?

A. Siêng năng và lanh lợi. B. Lanh lợi, thông minh

C. Thông minh, chăm chỉ. D. Nhanh nhẹn, thông minh

**Câu 7.** Vì sao truyện *Kiến và châu chấu* được xếp vào thể loại truyện ngụ ngôn?

A. Vì truyện nêu lên bài học cuộc sống bằng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý.

B. Vì truyện có đề tài về thế giới loài vật.

C. Các sự việc trong truyện sinh động, hấp dẫn phù hợp với tâm lí trẻ thơ.

D. Nhân vật chính trong truyện là loài vật.

**Câu 8.** Theo em, châu chấu là hình ảnh đại diện cho kiểu người nào trong cuộc sống?

A. Những người vui vẻ, hài hước B. Những người chăm chỉ.

C. Những người biết lo xa D. Những người vô lo, lười biếng

**Câu 9**. Nếu là châu chấu trong câu chuyện, em sẽ làm gì trước lời khuyên của kiến?

**Câu 10**. Bài học tâm đắc mà em rút ra từ câu chuyện. (Viết câu trả lời khoảng 3-5 câu văn)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng:**“Nếu bạn không nỗ lực mỗi ngày sao bạn chạm tay đến thành công”***.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

**Đề 2:**

**I. ĐỌC HIỂU(6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**RÙA VÀ THỎ**

Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mỉa mai Rùa:

- Đồ chậm như sên. Mày mà cũng đòi tập chạy à ?

- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi, coi ai hơn ?

Thỏ vểnh tai tự đắc:

- Được, được! Dám chạy thi với ta sao ? Ta chấp mi một nửa đường đó.

Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên cố sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa. Nó nhởn nhơ trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhấm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.

Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa chạy *gần tới đích.* Nó cắm cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.

*(Câu chuyện Rùa và Thỏ,* *Theo truyện La Phông-ten)*

**Câu 1**. Câu chuyện trong được kể bằng lời của ai?

A. Lời của nhân vật rùa.

B. Lời của người kể chuyện.

C. Lời của nhân vật thỏ.

D. Lời của nhân vật thỏ và rùa.

**Câu 2.** Trong văn bản thỏ trông thấy rùa đang tập chạy ở đâu?

A. Bên bờ suối.

B. Bên bờ hồ.

C. Bên bờ sông.

D. Bên bìa rừng.

**Câu 3**. Hai câu văn sau được liên kết với nhau nhờ phép liên kết nào ?

*Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên cố sức chạy thật nhanh..*

A. Phép lặp. B. Phép nối.

C. Phép thế. D. Phép nối và phép thế.

**Câu 4.** Lí do khiến thỏ không xuất phát cùng lúc với rùa trong cuộc thi là gì?

A. Thỏ thích ngắm cảnh đẹp trên đường .

B. Thỏ thích thể hiện mình.

C. Thỏ ngạo mạn, coi thường rùa.

D. Rùa muốn thỏ nhường mình.

**Câu 5.** Vì sao Rùa chiến thắng trong cuộc thi chạy?

A. Rùa luôn tỉnh táo, không ham chơi.

B. Rùa có ý chí, kiên trì, biết nỗ lực.

C. Rùa may mắn hơn thỏ.

D. Rùa dùng mưu mà thỏ không biết.

**Câu 6.** Trong câu: *Thỏ vểnh tai tự đắc* từ **“tự đắc”** có nghĩa là gì?

A. Tự tin, biết tự lượng sức mình

B. Tự cho mình là giỏi, là hay

C. Khiêm tốn, tự tin về bản thân

D. Tự tin về bản thân

**Câu 7.** Vì sao truyện *Rùa và thỏ* được xếp vào thể loại truyện ngụ ngôn?

A. Nhân vật chính trong truyện là loài vật.

B. Các sự việc trong truyện sinh động, hấp dẫn phù hợp với tâm lí trẻ thơ.

C. Vì truyện có đề tài về thế giới loài vật.

D. Vì truyện nêu lên bài học cuộc sống bằng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý.

**Câu 8.** Theo em, thỏ là hình ảnh đại diện cho kiểu người nào trong cuộc sống?

A. Những người vui vẻ, hài hước B. Những người vô lo.

C. Những người lười biếng D. Những người chủ quan, kiêu ngạo.

**Câu 9**. Nếu em là nhân vật thỏ trong câu chuyện trên, em sẽ tham gia cuộc thi chạy với rùa như thế nào?

**Câu 10.** Bài học tâm đắc mà em rút ra từ câu chuyện.(Viết câu trả lời khoảng 3-5 câu văn)

**II. VIẾT (4.0 điểm)** Có ý kiến cho rằng:**“Nếu bạn không nỗ lực mỗi ngày sao bạn chạm tay đến thành công”***.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

**D. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** |  | **Đề 1** | **Đề 2** |  |
| **1** | C | B | 0,5 |
| **2** | D | C | 0,5 |
| **3** | D | C | 0,5 |
| **4** | D | C | 0,5 |
| **5** | B | B | 0,5 |
| **6** | A | B | 0,5 |
| **7** | A | D | 0,5 |
| **8** | D | D | 0,5 |
| **9** | HS nêu được cách làm của mình và lí giải hợp lí. VD:  + Em sẽ nghe theo lời kiến.  + Em sẽ chăm chỉ cùng kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông | HS nêu được cách làm của mình và lí giải hợp lí  VD:  + Em sẽ phát huy tốt khả năng của mình.  + Em sẽ tham gia cuộc thi chạy bằng tinh thần, ý chí bền bỉ, kiên trì và không chủ quan. | 1,0 |
| **10** | HS nêu được bài học cho bản thân theo cách riêng. Có thể hướng tới các bài học sau:  - Luôn chăm chỉ trong học tập và làm việc, không được ham chơi, lười biếng.  - Biết nhìn xa trông rộng. | HS nêu được bài học cho bản thân theo cách riêng. Có thể hướng tới các bài học sau:  - Sự chăm chỉ, cần mẫn, tự tin có thể làm nên chiến thắng.  - Chậm mà chắc, tự biết sức mình còn hơn nhanh mà kiêu ngạo; cần phải biết người, biết ta. | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)* | | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: nghị luận về nét đẹp của lối sống đồng cảm, sẻ chia | | | 0,25 |
| *c. Trình bày ý kiến tán thành:*  **\* Nêu được vấn đề cần nghị luận**: sự nỗ lực của bản thân là yếu tố quan trọng đối với sự thành công của mỗi người  ; bày tỏ sự tán thành với ý kiến.  **\* Trình bày thực chất của ý kiến:**  **- Thành công**: đạt được mục tiêu, đạt kết quả tốt đẹp, xuất sắc theo ý muốn  *-* **Nỗ lực mỗi ngày**: chính là sự cố gắng, phấn đấu hết sức, thường xuyên, liên tục để thực hiện một việc gì đó đã được đề ra bằng chính năng lực của mình mà không có sự giúp đỡ, hỗ trợ của người khác.  -> Ý kiến đề cao sự nỗ lực không ngừng của chính bản thân mới là yếu tố quan trọng đối với sự thành công của mỗi người.  **\* Bày tỏ quan điểm về ý kiến:** bày tỏ sự tán thành với ý kiến  - Vai trò của sự nỗ lực:  + Không có thành công nào tự tìm đến với chúng ta. Không có thành công nào đến một cách dễ dàng và mãi mãi, tất cả là kết quả của sự nỗ lực, cố gắng không ngừng nghỉ. Chỉ có nỗ lực của bản thân mới lập nên những kì tích.  + Hành trình đến với thành công vô cùng gian nan, vất vả, thậm chí phải trải nhiều thất bại, vì vậy nếu thiếu nỗ lực, bỏ cuộc giữa chừng bạn sẽ không bao giờ vươn tới mục tiêu của mình.  + Khi nỗ lực vươn lên bạn sẽ biết bản thân mình có ưu nhược điểm gì. Biết yếu kém ở đâu mà cố gắng để khắc phục nó, biết khám phá được năng lực của bản thân để phát huy.  + Sự nỗ lực của bản thân sẽ giúp mỗi người tự tin, chủ động, lạc quan; có đủ bản lĩnh, đối mặt với thử thách, tiếp thêm sức mạnh vượt qua khó khăn, thất bại vươn tới thành công. Người biết nỗ lực không bao giờ chùn bước trước khó khăn, luôn kiên trì, năng động và sáng tạo, nhờ vậy thành công luôn mỉm cười với họ.  (dẫn chứng )  - Mở rộng:  + Nếu có sự nỗ lực của bản thân và được thêm sự hỗ trợ của người khác thì thành công mà mỗi người đạt được sẽ đến nhanh hơn  **\* Bài học rút ra từ ý kiến:**  - Không ngừng nỗ lực hết mình bằng tất cả sự cố gắng, khả năng, sức lực ý chí của mình vì chỉ khi nỗ lực, ta mới có thể vượt lên thất bại để chạm tay đến thành công.  ***\** Khẳng định lại ý kiến:**  + Hoàn toàn đồng ý với ý kiến: Sự nỗ lực của bản thân là yếu tố quan trọng đối với sự thành công của mỗi người.  - **Liên hệ bản thân**: Nuôi dưỡng ước mơ hoài bão, nỗ lực cố gắng hết mình và hoàn thiện bản thân mỗi ngày để đạt được sự thành công như mong đợi. | | | 3,0  0,25  0,25  2,0  0,25  0,25 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | | | 0,25 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | | | 0,25 |

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Rút kinh nghiệm giờ kiểm tra;

- Chuẩn bị các nội dung Đọc: *Hãy cầm lấy và đọc*